

tại Nghị định này (trừ quy định về hình thức kỷ luật) và các quy định về kỷ luật đối với công chức cấp xã tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật đối với công chức cấp xã.

3. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội căn cứ vào các quy định tại Nghị định này hướng dẫn áp dụng đối với cán bộ, công chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức làm việc ở các cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; cán bộ, công chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức làm việc ở các đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị, chính trị - xã hội.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

NGHỊ ĐỊNH số 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em về đối tượng trẻ em được hưởng các quyền và thực hiện bổn phận, các hành vi vi phạm quyền trẻ em, đăng ký khai sinh và xác định cha mẹ cho trẻ em, bảo vệ lợi ích cho trẻ em sống cách ly cha mẹ, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi, Quỹ Bảo trợ trẻ em, công tác bảo vệ, chăm sóc,

giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cơ sở trợ giúp trẻ em và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 2. Đối tượng trẻ em được hưởng các quyền và thực hiện bốn phận

1. Trẻ em là công dân Việt Nam được hưởng các quyền và thực hiện bốn phận theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trẻ em là công dân Việt Nam trong thời gian sinh sống ở nước ngoài, được hưởng các quyền và phải thực hiện các bốn phận theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước nơi trẻ em đang sinh sống. Trường hợp pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước nơi trẻ em là công dân Việt Nam đang sinh sống có quy định khác nhau thì quyền và bốn phận của trẻ em được thực hiện theo điều ước quốc tế mà hai nước cùng là thành viên.

Trường hợp không có điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài liên quan thì quyền và bốn phận của trẻ em là công dân Việt Nam được thực hiện theo tập quán quốc tế hoặc theo thỏa thuận giữa hai nước trong từng trường hợp cụ thể.

3. Trẻ em là người nước ngoài trong thời gian cư trú tại Việt Nam được hưởng các quyền và thực hiện các bốn phận theo quy định của điều ước quốc tế mà hai nước cùng là thành viên.

Chương II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUYỀN TRẺ EM

Điều 3. Cha mẹ bỏ rơi con, người giám hộ bỏ rơi trẻ em được mình giám hộ

1. Sau khi sinh con, cha mẹ bỏ con, không chăm sóc, nuôi dưỡng.

2. Cha mẹ, người giám hộ để trẻ em cho người khác nuôi, cắt đứt quan hệ, không thực hiện nghĩa vụ đóng góp nuôi dưỡng trẻ em mặc dù có khả năng thực hiện nghĩa vụ, trừ trường hợp cho trẻ em làm con nuôi.

3. Cha mẹ, người giám hộ bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em, để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Điều 4. Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đi lang thang, lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi

1. Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, ghi âm, ghi hình hoặc hành vi khác nhằm dụ dỗ, lôi kéo trẻ em bỏ nhà đi lang thang.

2. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em đang sinh sống cùng với gia đình bỏ nhà đi lang thang.

3. Tập hợp, chứa chấp trẻ em lang thang để bán vé số, sách, báo, tranh, ảnh, bán hàng rong hoặc các hoạt động khác nhằm mục đích trục lợi.

4. Cha mẹ, người giám hộ bắt trẻ em đi lang thang kiếm sống.

Điều 5. Dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo trẻ em đánh bạc; bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất kích thích khác có hại cho sức khỏe

1. Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, ghi âm, ghi hình hoặc hành vi khác nhằm dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, đánh bạc, sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ em.

2. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

3. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để lôi kéo trẻ em đánh bạc; tổ chức cho trẻ em đánh bạc dưới mọi hình thức.

4. Dùng các thủ đoạn nói dối, gian lận để trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

5. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

6. Bán cho trẻ em rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe.

7. Cho trẻ em uống rượu, bia, hút thuốc lá, sử dụng chất kích thích khác có hại cho sức khỏe.

Điều 6. Dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; xâm hại tình dục trẻ em

1. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em hoạt động mại dâm.

2. Dùng thủ đoạn nói dối, gian lận để trẻ em hoạt động mại dâm.

3. Dẫn, chỉ dẫn, môi giới, tổ chức, xúi giục trẻ em hoạt động mại dâm.

4. Che giấu, cho thuê, mượn hoặc bố trí nơi để trẻ em hoạt động mại dâm.

5. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm.

6. Cho trẻ em tiếp xúc với văn hóa phẩm, sản phẩm có nội dung khiêu dâm hoặc tác động vào cơ thể trẻ em nhằm kích động tình dục trẻ em.

7. Hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em.

Điều 7. Lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán, sử dụng văn hóa phẩm kích động bạo lực, đồi trụy; làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, tàng trữ văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em; sản xuất, kinh doanh đồ chơi, trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em

1. Dùng quan hệ tình cảm, uy tín, sự

phụ thuộc của trẻ em, nói dối, gian lận để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, thuê, mượn, sử dụng văn hóa phẩm hoặc sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy.

2. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, thuê, mượn, sử dụng văn hóa phẩm hoặc sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy.

3. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để ép buộc trẻ em mua, bán, thuê, mượn, sử dụng văn hóa phẩm hoặc sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy.

4. Viết, dịch, sao chép, sản xuất, lưu hành, vận chuyển, tàng trữ văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em.

5. Sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, nhập khẩu đồ chơi, trò chơi kích động bạo lực, đồi trụy, nguy hiểm, có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

Điều 8. Hành hạ, ngược đãi, làm nhục, chiếm đoạt, bắt cóc, mua, bán, đánh tráo trẻ em; lợi dụng trẻ em vì mục đích trục lợi; xúi giục trẻ em thù ghét cha, mẹ, người giám hộ hoặc xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác

1. Đánh đập hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể làm cho trẻ em đau đớn về thể xác và tinh thần.

2. Đồi xú tội tệ, bắt nhin ăn, nhin uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc

hạn chế vệ sinh cá nhân, giam hãm ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm hoặc bắt làm những việc trái với đạo đức xã hội.

3. Lãng nhục, xỉ vả, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, gây tổn thương về tinh thần, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em.

4. Bắt trẻ em đi xin ăn; cho thuê, cho mượn trẻ em hoặc sử dụng trẻ em để xin ăn.

5. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn khác để chiếm đoạt, bắt cóc trẻ em.

6. Mua, bán trẻ em dưới mọi hình thức

7. Đánh tráo trẻ em vì bất cứ mục đích gì.

8. Xúi giục, kích động trẻ em dưới mọi hình thức làm cho trẻ em thù ghét cha mẹ, người giám hộ.

9. Xúi giục, kích động trẻ em hoặc tổ chức cho trẻ em xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự của người khác.

Điều 9. Lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động

1. Cha mẹ, người giám hộ, người nhận nuôi dưỡng trẻ em bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em.

2. Sử dụng trẻ em làm những công việc trong vũ trường, cơ sở xoa bóp, vật lý trị liệu, sòng bạc, nhà hàng karaoke, quán rượu, quán bia hoặc những nơi có nguy cơ ảnh hưởng xấu tới sự phát triển nhân cách của trẻ em.

3. Sử dụng trẻ em trong sản xuất, kinh doanh văn hóa phẩm, sản phẩm hoặc đồ chơi, trò chơi kích động bạo lực, đồi trụy, nguy hiểm có hại cho sự phát triển của trẻ em.

4. Sử dụng trẻ em làm những công việc trái với quy định của pháp luật về lao động hoặc đúng với quy định nhưng bắt trẻ em lao động quá sức, quá thời gian, không trả công hoặc trả công không tương xứng.

Điều 10. Cản trở việc học tập của trẻ em

1. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc sử dụng vật chất, uy quyền để ép buộc trẻ em phải bỏ học, nghỉ học.

2. Dụ dỗ, lôi kéo trẻ em bỏ học, nghỉ học.

3. Bắt trẻ em bỏ học, nghỉ học để gây áp lực, khiêu kiện, biểu tình trái pháp luật.

4. Phá hoại cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục.

5. Cố tình không thực hiện nghĩa vụ đóng góp theo quy định, không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em.

Điều 11. Áp dụng biện pháp có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm hoặc dùng nhục hình đối với trẻ em vi phạm pháp luật

1. Lãng nhục, xỉ vả, bắt làm những việc có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm đối với trẻ em vi phạm pháp luật.

2. Tra tấn, gây đau đớn về thể xác hoặc làm tổn thương về tinh thần đối với trẻ em vi phạm pháp luật.

Điều 12. Đặt cơ sở sản xuất, kho chứa thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại, chất dễ gây cháy nổ gần cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em

1. Thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại, chất dễ gây cháy nổ gồm các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, đất đèn, chất thạch tín, thuốc diệt chuột, xăng, dầu, khí ga, thuốc nổ, chất phóng xạ và các loại hóa chất khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đặt cơ sở sản xuất, kho chứa thuốc trừ sâu, hóa chất độc hại, chất dễ gây cháy nổ trong phạm vi gây ảnh hưởng đến sức khỏe hoặc gây thiệt hại đến tính mạng trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc ngược lại.

3. Đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh có chất thải độc hại, có tiếng ồn lớn trong phạm vi gây ảnh hưởng đến cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em.

Điều 13. Xử lý hành vi vi phạm quyền trẻ em

Người nào có hành vi vi phạm quyền trẻ em được quy định tại Nghị định này hoặc có hành vi vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quyền trẻ em, làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM

Điều 14. Đăng ký khai sinh cho trẻ em

1. Cha mẹ, người giám hộ có trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn. Việc khai sinh cho trẻ em được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; vận động cha mẹ, người giám hộ khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn. Trong trường hợp thiếu hồ sơ, thủ tục, người có thẩm quyền đăng ký khai sinh phải hướng dẫn, không được gây khó khăn, phiền hà đối với người đi khai sinh.

3. Cán bộ hộ tịch tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, xác minh, kiểm tra, làm thủ tục đăng ký khai sinh; thường xuyên kiểm tra, đăng ký khai sinh kịp thời; phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch; thực hiện việc báo cáo tình hình; sử dụng biểu mẫu theo quy định; lưu trữ sổ sách, hồ sơ về đăng ký khai sinh. Đối với những khu vực có điều kiện đi lại khó khăn, người dân còn bị chi phối bởi những phong tục, tập quán, cán bộ hộ tịch tư pháp phải có lịch định kỳ đến tận nhà dân để đăng ký khai sinh cho trẻ em.

4. Trẻ em của hộ nghèo không phải nộp lệ phí đăng ký khai sinh. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định gia đình thuộc diện hộ nghèo theo quy định chuẩn nghèo hiện hành được áp dụng cho từng thời kỳ.

5. Cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan Tư pháp cùng cấp tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ cha mẹ, người giám hộ để họ khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn.

Điều 15. Xác định cha mẹ cho trẻ em

1. Trẻ em chưa xác định được cha mẹ, nếu có yêu cầu xác định cha mẹ của mình, kể cả trường hợp cha mẹ đã chết, thì được Tòa án xác định cha mẹ theo quy định của pháp luật.

2. Cha mẹ, người giám hộ, cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và cơ quan, tổ chức, cá

nhân khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự có quyền yêu cầu Tòa án xác định cha mẹ cho trẻ em.

3. Cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp khi nhận được thông tin về nhu cầu của trẻ em muốn xác định cha mẹ, phải có trách nhiệm tìm hiểu, xác minh và yêu cầu Tòa án xác định cha mẹ cho trẻ em.

Điều 16. Bảo đảm lợi ích của trẻ em khi phải sống cách ly cha mẹ

1. Cha và mẹ đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù thì trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ và được chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế, trừ trẻ em dưới ba mươi sáu tháng tuổi.

2. Cha mẹ bị Tòa án quyết định hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên thì trong thời gian thi hành quyết định của Tòa án, trẻ em được giúp đỡ, bảo vệ lợi ích; trường hợp Tòa án quyết định không cho cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trẻ em phải sống cách ly cha mẹ và được chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế cho trẻ em phải sống cách ly cha mẹ theo các hình thức giao cho người thân thích của trẻ em, giao cho gia đình thay thế hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em tại địa phương để chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

4. Cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp có trách nhiệm xác minh điều kiện, hoàn cảnh sống, khả năng kinh tế của người thân thích, gia đình thay thế, cơ sở trợ giúp trẻ em để đề xuất người chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế đối với trẻ em phải sống cách ly cha mẹ; liên hệ và thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế; thường xuyên kiểm tra điều kiện sống của trẻ em phải sống cách ly cha mẹ sau khi giao cho người chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

5. Trong thời gian trẻ em ở trường giáo dưỡng hoặc cơ sở cai nghiện, cha mẹ, người giám hộ của trẻ em này có trách nhiệm thường xuyên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ; trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện phải tạo điều kiện để trẻ em giữ mối liên hệ với gia đình, gia đình thay thế; Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội cấp xã, nơi có trẻ em vào trường giáo dưỡng hoặc cơ sở cai nghiện, có biện pháp cụ thể để giúp đỡ trẻ em tiến bộ và tái hòa nhập gia đình, cộng đồng khi trở về.

Điều 17. Bảo vệ trẻ em trong trường hợp cha mẹ, người giám hộ không bảo đảm điều kiện cho trẻ em được sống chung

1. Cha mẹ hoặc người giám hộ không đủ điều kiện để con hoặc trẻ em sống chung với mình, nếu có các hành vi sau:

a) Hành hạ, ngược đãi, làm nhục, gây thương tích hoặc làm rối loạn tinh thần trẻ em;

b) Xúi giục, ép buộc trẻ em trộm cắp tài sản; xâm phạm tính mạng, gây thương tích cho người khác; mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy hoặc chất kích thích khác có hại cho sức khỏe; hoạt động mại dâm hoặc làm những việc khác trái pháp luật, trái đạo đức xã hội;

c) Có lối sống đồi trụy; bỏ mặc trẻ em hoặc kích động để trẻ em rơi vào cuộc sống sa đọa; để trẻ em tàng trữ, sử dụng hoặc mang vũ khí, hóa chất độc hại, nguy hiểm theo người;

d) Ép buộc trẻ em lao động nặng nhọc, làm việc trong điều kiện nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại trái với quy định của pháp luật về lao động.

2. Biện pháp bảo đảm lợi ích của trẻ em nếu cha mẹ hoặc người giám hộ không bảo đảm điều kiện để con hoặc trẻ em được sống chung, bao gồm:

a) Khi cha mẹ, người giám hộ có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự có quyền khởi kiện vụ án và yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha mẹ, người giám hộ bằng biện pháp cách ly cha mẹ, người giám hộ và trẻ em;

b) Trong trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em khi chưa có quyết định

của Tòa án, cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tạm thời giao trẻ em cho người thân thích chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp không có người thân thích thì giao cho gia đình thay thế hoặc giao cho cơ sở trợ giúp trẻ em để cách ly trẻ em với cha mẹ, người giám hộ trong thời gian chờ quyết định của Tòa án;

c) Sau khi có quyết định của Tòa án, việc tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế đối với trẻ em phải sống cách ly cha mẹ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 của Nghị định này.

Điều 18. Quy định về trẻ em dưới sáu tuổi được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập

1. Trẻ em dưới sáu tuổi là trẻ em chưa đủ bảy mươi hai tháng tuổi.

2. Cơ sở y tế công lập thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi gồm các cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế, các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và địa phương.

3. Cấp và sử dụng Thẻ khám bệnh, chữa bệnh.

a) Trẻ em dưới sáu tuổi được Nhà nước cấp Thẻ khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập

(sau đây gọi tắt là Thẻ khám bệnh, chữa bệnh). Thẻ khám bệnh, chữa bệnh được cấp một lần. Thời hạn hiệu lực ghi trên Thẻ được tính kể từ ngày cấp Thẻ cho đến ngày trẻ em đó đủ bảy mươi hai tháng tuổi.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc cấp, thu hồi Thẻ khám bệnh, chữa bệnh đúng đối tượng và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện.

c) Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em hướng dẫn mẫu, thủ tục, hồ sơ cấp, thu hồi và sử dụng Thẻ khám bệnh, chữa bệnh thống nhất trong cả nước.

d) Cha mẹ có con dưới sáu tuổi, người giám hộ trẻ em dưới sáu tuổi có trách nhiệm sử dụng, bảo quản Thẻ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

đ) Nghiêm cấm việc mượn, cho mượn, làm Thẻ giả, sử dụng Thẻ giả để khám bệnh, chữa bệnh. Người nào mượn Thẻ, làm Thẻ giả, sử dụng Thẻ giả hoặc lợi dụng việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi để trục lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh.

a) Trẻ em dưới sáu tuổi khi đi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập phải xuất trình Thẻ khám bệnh, chữa bệnh; trường hợp chưa được cấp

Thẻ thì phải xuất trình Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh hoặc giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Cơ sở y tế công lập có trách nhiệm tiếp nhận, hướng dẫn và thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn thì chuyển lên cơ sở y tế tuyến trên theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

c) Trường hợp cấp cứu, vượt tuyến hoặc trái tuyến thì các cơ sở y tế công lập có trách nhiệm tiếp nhận và cứu chữa kịp thời, khám và điều trị ngoại trú hoặc cho nhập viện tùy theo tình trạng bệnh lý.

d) Ở các cơ sở y tế công lập có tổ chức khám bệnh, chữa bệnh sử dụng dịch vụ và kỹ thuật cao mà gia đình bệnh nhân có nhu cầu sử dụng thì cơ sở y tế công lập được thu của gia đình bệnh nhân khoản chênh lệch giữa chi phí dịch vụ và kỹ thuật cao theo yêu cầu và mức thanh toán viện phí hiện hành.

đ) Trẻ em dưới sáu tuổi đang được hưởng chính sách khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền theo các quy định khác được chuyển sang khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Nghị định này.

e) Quỹ Bảo trợ trẻ em, các cơ sở y tế công lập được vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoạt động nhân đạo, từ thiện ủng hộ kinh phí chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi mắc bệnh hiểm nghèo.

5. Lập dự toán ngân sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

a) Đối với Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương:

Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương có cơ sở y tế công lập lập dự toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Căn cứ dự toán ngân sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được giao, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ở Trung ương có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán cho các cơ sở y tế công lập trực thuộc vào một khoản riêng, gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện, các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương được điều chỉnh kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi giữa đơn vị thừa và đơn vị thiếu. Trường hợp sau khi đã điều chỉnh kinh phí mà còn thiếu, căn cứ đề nghị của Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương, giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương cho các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương để bảo đảm đủ và kịp thời kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

Khoản kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi cuối năm không

sử dụng hết được chuyển nguồn sang tiếp tục sử dụng và làm căn cứ để cân đối dự toán ngân sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi năm sau, không sử dụng nguồn kinh phí này vào mục đích khác.

b) Đối với địa phương:

Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh có trách nhiệm thống kê số trẻ em dưới sáu tuổi trên địa bàn gửi Sở Y tế để làm căn cứ lập dự toán ngân sách khám bệnh, chữa bệnh hàng năm cho trẻ em dưới sáu tuổi.

Sở Y tế chủ trì lập dự toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Đối với các tỉnh khó khăn, ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để bảo đảm kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

Căn cứ dự toán ngân sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi được giao, Sở Y tế có trách nhiệm phân bổ kinh phí vào một khoản riêng và thông báo cho các cơ sở y tế công lập thuộc địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với Trạm Y tế cấp xã, căn cứ vào thông báo kinh phí của Sở Y tế cho

Phòng Y tế cấp huyện; Phòng Y tế lập thông báo kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi gửi Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời gửi Trạm Y tế cấp xã và Kho bạc Nhà nước nơi Ủy ban nhân dân cấp xã giao dịch. Trong quá trình thực hiện, Sở Y tế thực hiện điều chỉnh kinh phí giữa nơi thừa và nơi thiếu để bảo đảm kịp thời kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi. Trường hợp sau khi đã điều chỉnh kinh phí mà còn thiếu, căn cứ đề nghị của Sở Tài chính và Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo chế độ quy định để bảo đảm đủ và kịp thời kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

6. Quản lý, sử dụng và thanh toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

a) Các cơ sở y tế công lập thuộc các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương căn cứ dự toán kinh phí được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ở Trung ương giao, thực hiện rút kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi theo dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Các cơ sở y tế thuộc tuyến tỉnh, tuyến huyện, căn cứ vào thông báo kinh phí của Sở Y tế thực hiện rút kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi theo dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

c) Đối với Trạm Y tế cấp xã, căn cứ vào thông báo kinh phí của Phòng Y tế cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi theo dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

d) Các cơ sở y tế công lập có nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh không thu tiền đối với trẻ em dưới sáu tuổi, thực hiện thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo giá viện phí hiện hành.

7. Quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

a) Các cơ sở y tế công lập quyết toán riêng kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và bảo đảm tính chính xác, hợp pháp của chứng từ quyết toán.

b) Các cơ sở y tế công lập trực thuộc các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương gửi báo cáo quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi cho cơ quan chủ quản; cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt và tổng hợp báo cáo quyết toán chung gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định hiện hành.

c) Các cơ sở y tế công lập địa phương gửi báo cáo quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi cho Sở Y tế. Riêng đối với Trạm y tế cấp

xã, Ủy ban nhân dân cấp xã lập quyết toán gửi Phòng Y tế cấp huyện xem xét, thẩm định và tổng hợp gửi Sở Y tế. Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt và tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê chuẩn, gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định hiện hành.

d) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi của các Bộ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương và các địa phương vào báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định hiện hành.

8. Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra thường xuyên việc thực hiện chính sách và sử dụng kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Điều 19. Quỹ Bảo trợ trẻ em

1. Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập nhằm mục đích vận động sự đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Quỹ Bảo trợ trẻ em được ngân sách nhà nước hỗ trợ lần đầu khi mới thành

lập. Hàng năm, căn cứ vào hiệu quả hoạt động, Quỹ được ngân sách nhà nước xem xét hỗ trợ trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quỹ Bảo trợ trẻ em được thành lập ở cấp nào thì do cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp đó quản lý và sử dụng vào việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, không được dùng vào mục đích khác.

3. Quỹ Bảo trợ trẻ em hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích thu lợi nhuận; tôn trọng mục đích đóng góp; công khai các nguồn thu và các khoản chi; khai thác, tiếp nhận, phát triển và sử dụng nguồn vốn theo kế hoạch hoạt động được phê duyệt, theo văn bản ký kết với nhà tài trợ hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ; không được sử dụng Quỹ để hoạt động trái pháp luật.

4. Đối tượng trẻ em được Quỹ Bảo trợ trẻ em hỗ trợ bao gồm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma túy; trẻ em vi phạm pháp luật; trẻ em mắc các bệnh nặng, hiểm nghèo, chi phí điều trị cao; trẻ em miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng bị thiên tai, dịch bệnh; trẻ em

1095389
 www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3845 6684 *

thuộc gia đình nghèo vượt khó học giỏi và các đối tượng đột xuất khác cần hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

5. Quỹ Bảo trợ trẻ em được sử dụng để chi hỗ trợ cho trẻ em phải trả chi phí điều trị cao khi chữa bệnh nặng, hiểm nghèo, phục hồi chức năng; hỗ trợ học bổng, đồ dùng học tập; trợ cấp sinh hoạt khi bị thiên tai, dịch bệnh, tai nạn rủi ro; xây dựng các lớp mẫu giáo, điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng; chi khác phù hợp với tôn chỉ mục đích của Quỹ và chi cho công tác quản lý Quỹ.

6. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả.

Chương IV

BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Điều 20. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở cơ sở

Cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp xã phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan giúp Ủy ban nhân dân

cấp xã tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn, bao gồm:

1. Cùng với gia đình, gia đình thay thế, cơ sở trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt lập sổ theo dõi diễn biến của từng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Vận động cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không nơi nương tựa, không còn nguồn nuôi dưỡng làm con nuôi, nhận đỡ đầu hoặc nhận làm gia đình thay thế. Trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình, gia đình thay thế thì lập hồ sơ và gửi trẻ em đó đến cơ sở trợ giúp trẻ em.

3. Tuyên truyền, giáo dục, cung cấp thông tin, kiến thức và hướng dẫn kỹ năng thực hành cho cha mẹ, người giám hộ, các thành viên gia đình, người tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về biện pháp giải quyết giảm nhẹ, phục hồi sức khỏe, tinh thần, giáo dục đạo đức và tái hòa nhập phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của từng trẻ em.

4. Tổ chức việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc điều tra, phát hiện, xử lý hành vi để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, các hành vi vi phạm quyền trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

09683319
 www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-38436684

Cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm:

1. Tổ chức, quản lý công tác thu thập, xử lý, phân tích thông tin, số liệu về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo từng nhóm đối tượng, mức độ hoàn cảnh đặc biệt, loại hình trợ giúp trẻ em; lập báo cáo tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định.

2. Lập kế hoạch và hướng dẫn việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bảo đảm cho mọi trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, có cơ hội được phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức, hòa nhập với gia đình, cộng đồng.

3. Phối hợp với các ban, ngành xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chế độ hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của địa phương.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, giải quyết, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em, phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quyền trẻ em.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách, biện pháp, tiêu chuẩn, quy trình chuyên môn, kỹ thuật và các

quy định khác trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt của các cấp, các ngành và các cơ sở trợ giúp trẻ em.

Điều 22. Trợ giúp trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt

1. Trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt mà không có nơi nương tựa được đưa vào cơ sở trợ giúp trẻ em.

2. Cơ quan dân số, gia đình và trẻ em chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan vận động những người nhiệt tình, có kinh nghiệm, có phương pháp, hiểu tâm lý trẻ em để tổ chức, quản lý cơ sở trợ giúp trẻ em thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế.

3. Cơ sở trợ giúp trẻ em có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, tạo điều kiện để trẻ em được học văn hóa, học nghề hoặc làm việc phù hợp.

4. Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan vận động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí, nhận trẻ em vào làm việc, học tập. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhận trẻ em vào làm việc, học tập.

5. Đối với trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt tuy còn nơi nương tựa nhưng chưa thể tái hòa nhập với gia đình thì

được đưa vào cơ sở trợ giúp trẻ em và cha mẹ có trách nhiệm đóng góp một phần kinh phí theo thỏa thuận với cơ sở trợ giúp trẻ em để nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em đó.

Điều 23. Các cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung riêng biệt.

a) Nội dung riêng biệt về giáo dục trẻ em khuyết tật nghe, nói, nhìn; giáo dục, cải tạo trẻ em vi phạm pháp luật; cai nghiện cho trẻ em nghiện ma túy; quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em thuộc đối tượng bảo trợ xã hội; tổ chức ăn, ở, sinh hoạt cho một nhóm đối tượng cụ thể trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung riêng biệt được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, quy định của Chính phủ về quy chế thành lập, hoạt động và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý.

2. Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung ngành, lĩnh vực.

a) Nội dung theo ngành, lĩnh vực về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, giáo dục văn hóa, dạy nghề, tổ chức việc làm, hoạt động văn hóa, thể thao.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý.

3. Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp.

a) Nội dung hỗn hợp nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và hỗn hợp nhiều nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: tư vấn về kiến thức, kỹ năng tổ chức ăn, ở, sinh hoạt cho nhiều nhóm đối tượng trẻ em; trợ giúp về chữa bệnh, giáo dục hòa nhập, dạy nghề, việc làm, hoạt động văn hóa, xã hội.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động trợ giúp trẻ em.

c) Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp, bảo đảm cho mọi cơ sở trợ giúp trẻ em đều được quản lý và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý nhà nước đối với cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn, bao gồm:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện quy hoạch chung để bảo đảm cho các loại cơ sở trợ giúp trẻ em phù hợp với các đối tượng trẻ em trên địa bàn, tạo điều kiện cho mọi trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có cơ hội được phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức; giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không còn nơi nương tựa được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình, tại gia đình thay thế hoặc tại cơ sở trợ giúp trẻ em;

b) Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức và hoạt động của tất cả các cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn, bảo đảm cho mọi cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động đúng mục đích và theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước đối với cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước đối với các cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý, bao gồm:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển các cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động vì mục đích bảo vệ quyền trẻ em hoặc hoạt động dịch vụ;

b) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy trình chuyên môn, kỹ thuật về hoạt động trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

c) Hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo cán bộ, cung cấp thông tin đối với cơ sở trợ giúp trẻ em;

d) Quyết định thành lập, cấp giấy phép hoạt động, giải thể, đình chỉ hoạt động đối với cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý;

đ) Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em; giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm; sơ kết, tổng kết về tổ chức và hoạt động của các cơ sở trợ giúp trẻ em.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo những nội dung quản lý nhà nước được phân công.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền

các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch và biện pháp về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung quản lý nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định này đối với cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước, ban, ngành, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội có liên quan trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tổ chức thực hiện chương trình hành động vì trẻ em, chương trình bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, các chương trình, dự án, kế hoạch và các mô hình về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tổ chức phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

5. Tổ chức thu thập, xử lý và khai thác thông tin, số liệu; thực hiện công tác hợp tác quốc tế; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

6. Ban hành tiêu chuẩn, định mức và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổng hợp kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và dài hạn.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; định kỳ báo cáo Chính phủ về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong việc huy động các nguồn vốn trong nước, vốn viện trợ, vốn vay của quốc tế và các nguồn vốn khác cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán ngân sách hàng năm và dài hạn, tổng hợp trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt ngân sách cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; cân đối bảo đảm kinh phí; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

3. Tổng hợp kinh phí khám bệnh, chữa

bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi trình Chính phủ, Quốc hội phê duyệt và bảo đảm cân đối ngân sách cho việc khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Hướng dẫn việc xây dựng đề án củng cố và nâng cao chất lượng của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em từ Trung ương đến cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; ban hành quy chế về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em; từng bước thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ và lập sổ theo dõi sức khỏe cho trẻ em; đặc biệt quan tâm đến trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học, trẻ em nhiễm HIV/AIDS, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em nghiện ma túy và trẻ em bị tai nạn thương tích.

2. Bảo đảm việc cung ứng các loại thuốc thiết yếu chữa bệnh cho trẻ em; bảo đảm điều kiện và chất lượng khám bệnh, chẩn đoán, phát hiện bệnh, chữa bệnh, cấp cứu và vận chuyển cấp cứu, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, số lượng và chất lượng cán bộ y tế nhi khoa.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em; bảo đảm cho trẻ em dưới sáu tuổi được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập; khám

bệnh định kỳ cho những người làm công việc thường xuyên tiếp xúc với trẻ em; hướng dẫn cha mẹ, người giám hộ biện pháp phòng bệnh, chữa một số bệnh thông thường và phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em.

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, quy hoạch mạng lưới trường, lớp mầm non, phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân với các loại hình công lập và ngoài công lập.

2. Xây dựng, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nhằm bảo đảm điều kiện cần thiết cho việc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; bảo đảm học sinh học tại các trường, lớp tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí và các khoản phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em xây dựng chương trình tuyên truyền giáo dục, phổ biến kiến thức về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, xây dựng chính sách miễn, giảm học phí và các biện pháp phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được học tập hòa nhập.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan quy định chương trình giáo dục đối với các trường, lớp năng khiếu cho trẻ em. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ,

ngành có liên quan quy định chương trình giáo dục đối với các trường, lớp dành cho trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan quy định chương trình giáo dục đối với các trường giáo dưỡng.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tư pháp đưa chương trình giáo dục y tế học đường, chương trình giáo dục pháp luật phù hợp vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

6. Hướng dẫn xây dựng tổ chức phòng y tế tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tập trung nhiều học sinh, bảo đảm cán bộ y tế thường trực có đủ trình độ chuyên môn, làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho học sinh tại trường và quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chưa có điều kiện tổ chức phòng y tế, thì có giáo viên kiêm nhiệm được tập huấn kỹ năng về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh và quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa - Thông tin

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Văn học - Nghệ thuật và các Bộ, ngành, đoàn thể liên quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch phục vụ nhu cầu văn hóa, nghệ thuật, thông tin và vui chơi, giải trí phù

hợp với sự phát triển của trẻ em; chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các kế hoạch đó.

2. Quản lý, tổ chức việc sáng tác, xuất bản, in và phát hành các loại sách báo, phim ảnh, nhạc, họa và xây dựng các chương trình, tiết mục nghệ thuật, sân khấu, ca nhạc như múa, hát, nhạc, kịch, xiếc và các loại hình nghệ thuật khác cho trẻ em và về trẻ em, bảo đảm tỷ lệ ít nhất là 15% so với tổng số chương trình, tiết mục, tác phẩm, văn hóa phẩm sản xuất, xuất bản hàng năm.

3. Kiểm tra, thanh tra việc sản xuất các dụng cụ, đồ chơi mang tính giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc giáo dục trẻ em về bảo tồn các loại hình văn hóa dân tộc đặc sắc.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, nhà hát, rạp chiếu phim, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em; trường hợp chưa có điều kiện xây dựng công trình riêng cho trẻ em, phải quy định dành ít nhất 20% thời gian sử dụng các công trình chung để phục vụ nhu cầu phù hợp của trẻ em.

5. Quy định những bộ phim, những chương trình, tiết mục nghệ thuật, sân khấu, ca nhạc không được chiếu, không được biểu diễn cho trẻ em.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn chính quyền địa phương, cộng đồng và gia đình tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em

phù hợp với lứa tuổi và phát triển về thể lực, trí tuệ và tinh thần của trẻ em.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban Thể dục Thể thao

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng và hướng dẫn thực hiện kế hoạch về thể dục, thể thao, phương pháp luyện tập tăng cường sức khỏe, thể lực cho trẻ em phù hợp với từng lứa tuổi.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các Bộ, ngành, đoàn thể liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch phục vụ nhu cầu thể dục, thể thao của trẻ em; chỉ đạo các cơ quan thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Thể dục Thể thao và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các kế hoạch đó.

3. Quản lý và tổ chức việc sản xuất, cung ứng và sử dụng dụng cụ thể dục, thể thao cho trẻ em.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng cơ sở thể dục, thể thao cho trẻ em; trong kinh phí hoạt động thể thao quần chúng, dành một phần kinh phí cho hoạt động thể thao quần chúng của trẻ em. Trường hợp chưa có điều kiện xây dựng những công trình thể thao riêng cho trẻ em thì trong các công trình chung phải có khu vực dành riêng cho trẻ em với trang thiết bị phù hợp.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chế độ, chính sách đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi, trẻ em lang thang.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra và xử lý việc thực hiện chính sách xã hội đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật, trẻ em mồ côi, trẻ em lang thang; thực hiện quản lý nhà nước đối với cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở cai nghiện, cơ sở dạy nghề.

3. Tổ chức quản lý và chỉ đạo việc chỉnh hình, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật; tổ chức việc dạy nghề và lao động cho trẻ em, trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật còn khả năng lao động; nghiên cứu sản xuất và cung cấp các phương tiện lao động, sinh hoạt chuyên dùng cho trẻ em khuyết tật, trẻ em tàn tật.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế ban hành danh mục nghề, công việc cấm sử dụng lao động trẻ em và danh mục công việc được sử dụng lao động trẻ em.

5. Kiểm tra, thanh tra và xử lý việc sử dụng trẻ em làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại và những công việc khác trái với quy định của pháp luật lao động về lao động chưa thành niên.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo trong các trường dạy nghề; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề liên quan đến trẻ em.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan, tổ chức liên quan có kế hoạch hướng dẫn, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống các hành vi vi phạm quyền và lợi ích của trẻ em.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật của trẻ em; giáo dục và cải tạo trẻ em vi phạm pháp luật; bảo đảm điều kiện sinh hoạt cần thiết cho trẻ em trong trường giáo dưỡng; phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi giam giữ trẻ em trái pháp luật, đánh đập, tra tấn trẻ em, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của trẻ em.

3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc đăng ký hộ khẩu cho trẻ em, bảo đảm cho trẻ em được đăng ký hộ khẩu theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo trong trường giáo dưỡng.

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc đăng ký hộ tịch cho trẻ em, bảo đảm cho trẻ em được đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công tác trợ giúp pháp lý đối với trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an quản lý việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4. Thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Công nghiệp, Bộ Thương mại

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, lập quy hoạch, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhu cầu của trẻ em về lương thực, thực phẩm, văn hóa phẩm, dụng cụ y tế, dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi, đồ dùng, quần áo và giày dép trẻ em, bảo đảm chất lượng, an toàn, không gây ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em.

2. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa phục vụ nhu cầu của trẻ em, kịp thời phát hiện và xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương

2016-3319
 Tel: +84-8-38453684 * www.ThuVienPhapLuat.Com
 LAW SOURCE

có liên quan trong việc quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất, dành quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Chỉ đạo, kiểm tra việc bảo đảm môi trường trong các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em.

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thống kê

1. Bộ Giao thông vận tải có chính sách ưu tiên cho trẻ em khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

2. Tổng cục Du lịch có chính sách ưu tiên cho trẻ em khi tham quan danh lam thắng cảnh, du lịch.

3. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm tổ chức, phối hợp, phân công điều tra, thu thập thông tin phục vụ công tác quản lý về trẻ em; tổ chức, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, chế độ báo cáo, đánh giá thông tin, số liệu về trẻ em.

Điều 38. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

Các Bộ, ngành khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trong việc tuyên truyền, giáo dục; phát triển các cơ sở phúc lợi dành cho trẻ em; xây dựng kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo chức năng của Bộ, ngành; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong phạm vi địa phương.

2. Chịu trách nhiệm về mục tiêu, hiệu quả của công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương; tổ chức phối hợp các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong phạm vi của địa phương.

3. Cụ thể hóa một số chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của địa phương để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách, quy định nhân lực, kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương.

5. Dự toán kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới sáu tuổi trong kế hoạch ngân sách địa phương; tổ chức quản lý và sử dụng kinh phí; kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí để bảo đảm cho trẻ em dưới sáu tuổi được khám bệnh, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập.

6. Tổ chức thực hiện các biện pháp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

7. Kiểm tra, thanh tra, đánh giá và định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện

công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, riêng Điều 18 của Nghị định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 và thay thế Nghị định số 374/HĐBT ngày 11 tháng 11 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 19/2005/TT-BTC
ngày 11/3/2005 hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn thu từ các khoản đóng góp của nhân dân như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này quy định việc công